

GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THEO XU HƯỚNG HIỆN ĐẠI

MODERN TRENDS IN TEACHING ENGLISH

PHAN THẾ HƯNG^(*)

TÓM TẮT: Để phát triển chương trình giảng dạy tiếng Anh, các nhà quản lý, chuyên gia ngôn ngữ và giáo viên cần chú ý đến mục tiêu của việc giảng dạy và học tập tiếng Anh tại Việt Nam, nhất là việc phân tích nhu cầu của xã hội. Ngày nay việc giảng dạy và học tập trong lớp học cũng như trực tuyến đều chú ý nhiều hơn đến việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và mạng Internet nhằm xây dựng các kỹ năng phù hợp trong thế kỷ XXI cho cả người dạy và người học. Nói cách khác, người giảng dạy tiếng Anh cần phải cập nhật không chỉ các tài liệu giảng dạy truyền thống, mà còn tìm ra các chiến lược và phương pháp thích hợp để cải tiến cách dạy và học trong lớp thông qua giao tiếp kỹ thuật số. Bài báo tập trung vào những ý tưởng này với hy vọng người giảng dạy có thể tự nhìn lại cách giảng dạy của mình và tìm ra các phương pháp và quy trình giảng dạy mang tính ứng dụng để cả người dạy và người học có thể đi đúng hướng theo mục tiêu dạy và học tiếng Anh tại Việt Nam.

Từ khóa: đề án Ngoại ngữ 2020, chuyển giao bằng kỹ thuật số, phương thức pha trộn, phương pháp tổng hợp đúng nguyên tắc.

ABSTRACT: To develop English programs, adminissters, language experts, and teachers are supposed to refer to the objectives of English teaching and learning in Vietnam, especially the need analysis of the society, the workforce as well as the learners. Today teaching and learning in class or on line also focus more on the application of digital technology, the Internet and its components in order to form suitable skills in the 21st century for both teachers and students. In other words, teachers of English are requested to update not only traditional teaching materials, but also find the appropriate strategies and methods to promote the way of teaching and learning in class and via the digital communication. The article spots these ideas with the hope that teachers can reflect their language teaching and find out some applicable methods and procedures so that both teachers and learners can be on the right track to the immediate objectives of teaching and learning English in Vietnam.

Key words: English Project 2020, digital delivery, blended learning, principled eclectism method.

^(*) TS. Trường Đại học Văn Lang Email: phanthehung@vanlanguni.edu.vn

1. NÉT CHÍNH CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI VIỆT NAM

Theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 nhằm mục tiêu đến năm 2020, đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa, biến ngoại ngữ trở thành thể mạnh của người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Mục tiêu cụ thể của Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 trong hệ thống các trường đại học như sau:* đối với các ngành học không chuyên ngữ, sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt trình độ tối thiểu bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ; đối với các ngành chuyên ngữ, sinh viên tốt nghiệp cao đẳng phải đạt trình độ bậc 4, tốt nghiệp đại học phải đạt trình độ bậc 5 đồng thời được đào tạo ngoại ngữ hai đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ... Một vài con số cụ thể để nhận ra mục tiêu phấn đấu như sau: đối với giáo dục nghề nghiệp, mục tiêu đặt ra là đến năm 2020, có khoảng 60% học sinh trung cấp, 100% sinh viên trường cao đẳng và tới năm 2025, 90% học sinh trường trung cấp đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có thể sử dụng tiếng Anh trong việc làm. Ở bậc đại học không chuyên ngữ, đến năm 2020 sẽ có khoảng 70% sinh viên và đến năm 2050 tất cả sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp (bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

Có thể thấy rằng việc dạy và học ngoại ngữ tại Việt Nam trong các cấp học với các

đối tượng học khác nhau đang chuyển dần từ dạy học ngoại ngữ như một môn khoa học sang dạy như một môn kỹ năng, từ sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống chuyển sang dạy ngôn ngữ giao tiếp có kết hợp công nghệ với mục tiêu: học ngoại ngữ không phải chỉ để hiểu, để biết mà học là để sử dụng được ngoại ngữ.

2. YÊU CẦU CỦA XÃ HỘI

2.1. Dự báo nguồn nhân lực

Theo tài liệu hướng nghiệp năm 2015 về phát triển thị trường ngành công nghiệp Việt Nam – dự báo nhu cầu nhân lực Thành phố Hồ Chí Minh 2015 đến 2020 (*Trung tâm Dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, 2015*), những nhà giáo dục và đào tạo cần lưu ý mấy điểm sau:

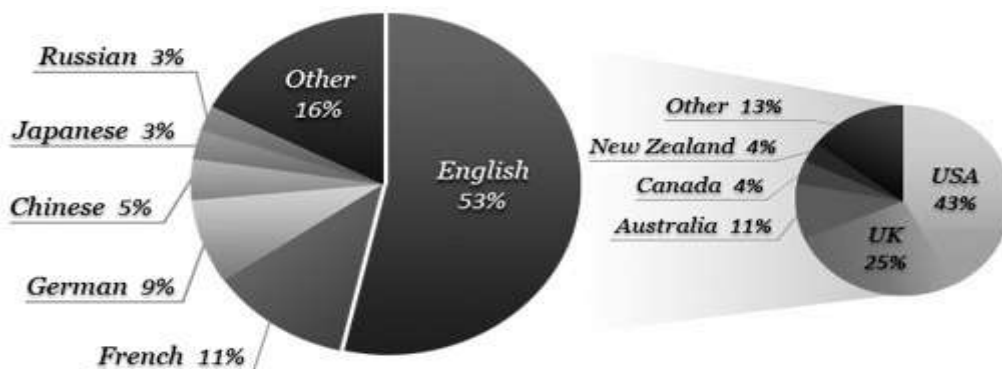
Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) ra đời vào cuối năm 2015, các nước thành viên phải thực hiện cam kết về tự do luân chuyển lao động. Việc này một mặt tạo cơ hội cho dịch chuyển lao động có chất lượng, song mặt khác lại đặt ra những thách thức lớn cho lao động thiếu kỹ năng.

Ngoài ra, Tổ chức Lao động quốc tế ILO dự đoán, trong giai đoạn 2015 - 2025, nhu cầu đối với việc làm cần tay nghề trung bình cũng sẽ tăng nhanh ở mức 28%. Tuy nhiên, những người tìm việc mà thiếu kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết sẽ không thể nắm bắt được cơ hội việc làm đó. Điểm yếu của lao động Việt Nam chính là thiếu kỹ năng mềm như làm việc theo nhóm, giao tiếp, ngoại ngữ và kỹ năng nghề nhìn chung là thấp. Do vậy, có ba vấn đề thách thức của nguồn nhân lực Việt Nam: kỹ năng, ngoại ngữ và tác phong công nghiệp (kỷ luật và trách nhiệm). Đặc biệt là khả năng

sử dụng tiếng Anh trong công việc và giao tiếp phải chuyên nghiệp [7].

2.2. Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ được học phổ biến nhất toàn cầu

Tất cả các quốc gia đang cố gắng cung cấp chương trình đào tạo tiếng Anh chất lượng cao tới người dân của họ, phù hợp với tiến trình toàn cầu hóa, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.



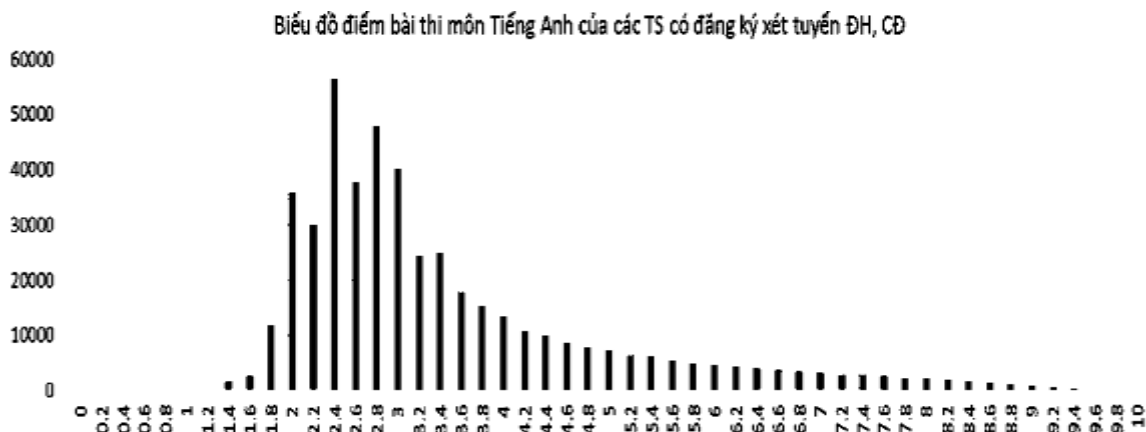
Nguồn tin: British Council, 2006

Biểu đồ 1. Số lượng người học tiếng Anh toàn cầu

Tiếng Anh trở thành phương tiện quốc tế được yêu thích để hướng tới một nền giáo dục cao hơn. Để đạt được mục tiêu này, việc thông thạo tiếng Anh là bắt buộc bởi vì nhiều học sinh trên toàn cầu đang chọn lựa các nền giáo dục cao hơn và kết quả là tăng mức độ cạnh tranh giữa các học sinh ở các nước nói tiếng Anh như Mỹ và Anh.

2.3. Thực trạng trình độ tiếng Anh của người học Việt Nam

Với mục tiêu của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 và Dự báo nguồn nhân lực tại Việt Nam như đã nêu trên, thực tế của việc học tiếng Anh qua kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học và xét tuyển đại học năm 2016 là một thực tế ngoài mong đợi của các nhà giáo dục và cả toàn xã hội.



Biểu đồ 2: Phổ điểm môn tiếng Anh của thí sinh dự kỳ thi xét tuyển đại học năm 2016

(Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3. KHUYNH HƯỜNG GIẢNG DẠY TRONG THẾ KỶ XXI

Để có tầm nhìn toàn cầu trong việc cải thiện việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, chúng ta cần tiếp cận ba xu hướng chủ chốt về giảng dạy trên thế giới trong thế kỷ XXI.

3.1. Chuyển giao bằng kỹ thuật số (Digital Delivery)

Không còn tập trung hoàn toàn vào sách làm nguồn cung cấp nội dung giảng dạy, các nhà giáo dục và người học đã có thói quen sử dụng các mạng trên Internet để tìm kiếm các thông tin đáng tin cậy, có giá trị và cập nhật đến từng giây phút.

3.2. Thiết lập động lực qua sở thích (Interest-Driven)

Mặc dù thông thường người học đợi đến tuyển sinh đại học như tại Việt Nam, hoặc từ năm thứ ba như tại Hoa Kỳ mới chọn ngành học, xu hướng ngày nay người học được định hướng sở thích chuyên ngành ngay từ lúc mới bước vào trường trung học. Trên cơ sở sở thích và nhu cầu của người học, các chương trình đào tạo được xây dựng cho phù hợp.

3.3. Kỹ năng thế kỷ XXI (21st century Skills)

Giáo dục toàn cầu hiện nay tập trung chú ý đến việc đào tạo con người hay nhân lực cho thế kỷ 21 nhằm giáo dục cho người học đạt được nhu cầu: sẵn sàng cho thế giới thực ngoài kia (real-world deadiness). Những chủ đề như tính hợp tác, khả năng đổi mới, tư duy phê phán và truyền thông được cho là quan trọng như nhiều môn học cơ bản khác vì đó là những kỹ năng thực tiễn có thể ứng dụng ở thế giới bên ngoài nhà trường [6].

Tuy nhiên, không chỉ là các kỹ năng thực tiễn mà điều quan trọng hơn là người học có thể “lướt” trong thế giới kỹ thuật số quanh họ với sự tự tin, không hề sợ hãi. Tìm ra được thông tin cần thiết trong hàng triệu thông tin trên mạng, biết thông tin nào đáng tin cậy, thông tin nào đáng vứt bỏ trong vô số nguồn của mạng Internet. Người học cũng cần biết cách và đóng góp điều gì cho cộng đồng mạng toàn cầu, và biết cách để trở thành công dân kỹ thuật số có trách nhiệm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cũng đã nhận biết yêu cầu ứng dụng công nghệ trong công tác giáo dục là một trong những nhiệm vụ chủ yếu trong năm học 2016-2017 như sau:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực và hiệu quả. Xây dựng kho bài giảng e-Learning trực tuyến đáp ứng nhu cầu tự học và học tập suốt đời của người học, thu hẹp khoảng cách tiếp cận các dịch vụ giáo dục và đào tạo có chất lượng của người học giữa các vùng, miền (Công văn số: 3031/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.3.1. Các xu hướng cơ bản

Các xu hướng này tác động mạnh mẽ đến ba lĩnh vực: chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và môi trường học tập; trong đó cần chú động đến các yếu tố sau:

Hợp tác và tùy biến: các nhà giáo dục cần biết cách hợp tác với nhau, với người học và với các chuyên gia khác để xây

dựng mục tiêu, sáng tạo nội dung giảng dạy theo yêu cầu của mình.

Tư duy phản biện: người học cần phải học cách tìm để nhận biết những thông tin phù hợp và đáng tin cậy, đồng thời loại bỏ những nguồn thông tin không đáng tin cậy.

Dân chủ hóa giáo dục: sự tiếp cận Internet hầu như khắp mọi nơi tạo nên sự bình đẳng trong giáo dục đối với hầu hết thế hệ trẻ.

Thay đổi công nghệ sách giáo khoa: các nhà xuất bản ngày nay đang tìm cách thích nghi với xu hướng của độc giả kỹ thuật số.

Nhấn mạnh đến kỹ năng hơn là sự kiện: chương trình giảng dạy cần kết hợp giữa kiến thức và xây dựng các kỹ năng.

3.3.2. Hợp tác

Với sự phát triển công nghệ, khuynh hướng làm việc một mình khá phổ biến, nhưng trên thực tế quy trình hợp tác trong công việc nhằm phát triển hiệu quả công việc lại chiếm đa số. Trong các nhà trường tiên tiến hiện nay, người học và người dạy có xu hướng học hỏi lẫn nhau qua nhiều phương thức khác nhau. Chia sẻ thông tin và nối kết với những người khác - dù có quen biết nhau hay không - đã cho thấy đây là công cụ quan trọng trong giáo dục. Người học có thể hợp tác với nhau qua mạng xã hội nhằm học hỏi nhiều hơn về những môn học cụ thể nào đó, kiểm tra những ý tưởng và các lý thuyết, biết thêm các dữ liệu và trao đổi ý kiến cùng nhau.

Mạng xã hội không chỉ dành cho người học trẻ tuổi, người dạy học có thể cùng nhau đưa người học tham gia học tập như sử dụng mạng xã hội để dạy nhiều thứ từ kỹ năng đọc, viết đến cả văn học. Các nhà

giáo dục cũng đang sử dụng mạng xã hội liên kết cùng nhau để chia sẻ ý tưởng hoặc tìm ra các phương thức hay công cụ dạy học hiệu quả. Sự hợp tác của các giáo viên cũng thể hiện ngay tại nhà trường khi các nhà giáo dục có thể tổ chức dạy học theo nhóm (Team-teach) và tổ chức hệ thống mạng trao đổi, học tập về nghề nghiệp. Sự hợp tác cũng thể hiện qua chương trình giảng dạy với các nguồn mở (Open-course sites), khuyến khích mọi người cùng tham gia đóng góp nguồn tư liệu giảng dạy. Ví dụ tiêu biểu là các nhà quản lý giáo dục tại Hoa Kỳ đang thiết lập một chương trình gọi là “One-stop shop for teacher networks”, nơi các giáo viên có thể đóng góp và thu thập các thông tin liên quan đến nghề nghiệp và nghiệp vụ của mình.

3.4.3. Sử dụng công nghệ

Sử dụng bút viết trong việc dạy và học đã giảm dần trong thời đại công nghệ. Các nhà giáo dục nhìn - xa, trông - rộng đang nỗ lực tìm ra những công cụ tương tác để thu hút người học. Ví dụ trang mạng *VoiceThread* được sử dụng để giao tiếp, hay mạng *ePals* và *LiveMocha* dùng để học các ngôn ngữ toàn cầu với người bản ngữ. Có thể nói rằng đây là một sự thực không thể tránh khỏi khi một nhà giáo dục muốn bắt kịp nền giáo dục toàn cầu và ngay cả tại Việt Nam hiện nay cũng vậy.

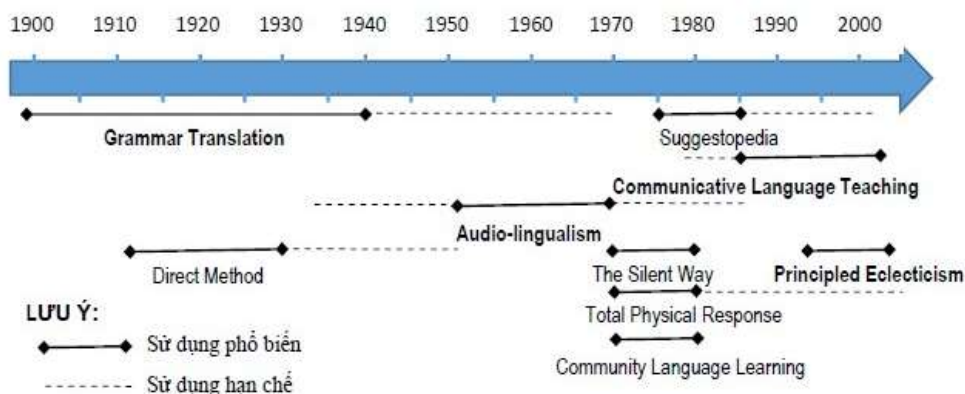
Nói một cách đơn giản, học tập theo phương thức pha trộn (Blended Learning) là sự kết hợp giữa máy tính và lối dạy truyền thống. Nhận thức được rằng ngày nay người học có thể nối mạng bất cứ lúc nào, giáo viên định hướng phương thức giảng dạy của mình bằng cách chuyển một phần công việc học tập của người học qua

mạng trực tuyến để người học có thể làm được nhiều việc như xem lại giờ dạy, giờ học, nội dung trong giờ học, diễn biến lớp học. Tất cả phương thức pha trộn này đều có cùng một mục đích: người học tự nghiên cứu, tìm hiểu bài học, xem video, tham gia thảo luận trực tuyến và nhiều hoạt động khác ở nhà cũng như ở trường.

Giáo viên sử dụng phương thức pha trộn này theo nhiều cách khác nhau. Một số giáo viên giao bài kiểm tra tương tác (Interactive quizzes) và các bài tập dự án có tính hợp tác lên mạng; một số giáo viên sử dụng máy tính xen vào giờ dạy trên lớp,

giáo viên xem lại video và bài giảng ở nhà, trong khi đó sử dụng giờ trên lớp cho các hoạt động dự án trực tiếp; một số khác lại đưa hầu hết chương trình giảng dạy lên mạng để dành thời gian trên lớp làm việc với từng người học. Dù giáo viên chọn phương thức nào đi nữa, diễn hình cho chương trình pha trộn là phương thức trong đó người dạy sử dụng thảo luận bài học trên mạng, người học tương tác ở nhà để tạo chất liệu cho nội dung sẽ được thảo luận trong lớp học.

4. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY NGOẠI NGỮ



Biểu đồ 3. Tóm tắt phương pháp giảng dạy ngoại ngữ

Nhìn chung, phương pháp giao tiếp (CLT) là phương pháp phát xuất từ khái niệm coi người học là người giao tiếp tự nhiên trong quá trình học ngoại ngữ. Người học trang bị kiến thức về ngôn ngữ đang học và sử dụng ngôn ngữ đó (qua dạng nói và viết) qua các hoạt động giao tiếp đoán trước (Predictable) và không đoán trước (Unpredictable) trong lớp học và những tình huống có thực trong cuộc sống.

Theo lịch sử các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ trên thế giới, quan điểm cấu

trúc ngôn ngữ xem các cấu trúc ngữ pháp là những đơn vị cơ bản của hệ thống ngôn ngữ và những đơn vị này phải tuân theo các quy luật nhất định (phương pháp Grammar-Translation). Chương trình giảng dạy theo phương pháp phản xạ ngôn ngữ (Audiolingual) cũng xuất phát từ quan điểm cấu trúc và được thực hiện tại nhiều nơi trên thế giới, kể cả tại Việt Nam, nhất là trước và sau Thế chiến thứ II trước khi phương pháp giao tiếp được phổ biến. Chương trình giảng dạy “phản xạ” này chú

trọng đến phát âm và dạng ngữ pháp đúng. Các bài luyện tập (Drills) diễn ra trong lớp học dưới nhiều dạng khác nhau như lặp lại hay học thuộc lòng [2]. Tuy nhiên, chương trình giao tiếp có thể tóm lược như sau [1]: Chú trọng đến ngữ nghĩa (chức năng ngôn ngữ); cần giảng dạy ngôn ngữ qua ngữ cảnh (Contextualization); học ngôn ngữ là học để giao tiếp bằng ngôn ngữ; ngôn ngữ được hình thành qua thử (Trials) và sai (Errors) nhiều lần; Ưu tiên đạt lưu loát ngôn ngữ (Fluency) so với sự chính xác của ngôn ngữ (Accuracy); nhấn mạnh đến việc người học là trung tâm (Student-centered).

Nhìn chung cộng đồng giảng dạy ngoại ngữ ngày nay đã đạt được sự đồng thuận về mục tiêu của một chương trình ngoại ngữ: phát triển sự thành thạo ngoại ngữ của người học bằng cách đạt được kỹ năng giao tiếp (Communicative Competence) phản ánh sự giao tiếp trong đời sống thật.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Phương pháp giảng dạy ứng dụng tại Việt Nam

Tiếng Anh được giảng dạy và học tập tại Việt Nam như là một ngoại ngữ, chưa phải là một ngôn ngữ thứ hai như một số người mong đợi. Lý do chính yếu là môi trường giao tiếp tiếng Anh tại Việt Nam khác với môi trường giao tiếp tiếng Anh tại một số nước như Singapore, Malaysia, hay Ấn Độ. Do vậy, để đạt được tiếng Anh trong giao tiếp như đã đề cập ở trên người dạy cần phải kết hợp nhiều phương thức và phương pháp dạy phù hợp với người học. Đó là *phương pháp tổng hợp đúng nguyên tắc* (Principled Eclectism Method). Một điều đáng lưu ý là không có một phương

pháp nào là tốt nhất, mà chỉ là tốt hơn so với phương pháp khác trong ngữ cảnh dạy và học ngoại ngữ.

Ngày nay đa số giáo viên tiếng Anh đã được đào tạo căn bản tốt về các phương thức, kỹ thuật và phương pháp giảng dạy, ít nhất giáo viên nắm vững lịch sử và các chuyển biến thích hợp của phương pháp giảng dạy ngoại ngữ. Do vậy, người dạy hiện đại phải biết nhiều phương thức giảng dạy, biết chọn lựa phương thức và kỹ thuật có hiệu quả nhất phù hợp với ngữ cảnh và mục tiêu học ngoại ngữ [5].

Một vài ví dụ về phương thức trong phương pháp tổng hợp này như sau:

- Người dạy cung cấp nhiều loại bài tập khác nhau, cả viết và nói, để phát triển tính chính xác (Accuracy), lưu loát (Fluency), và khả năng giao tiếp (Communicative ability) tiếng Anh của người học;

- Người dạy sửa lỗi sai ngay lập tức nếu hoạt động dạy và học nhắm đạt được tính chính xác, nhưng nếu hoạt động nhắm đạt được sự lưu loát thì lỗi sai sẽ được sửa sau đó;

- Người dạy học cần phát triển cả bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết);

- Để người học phát âm đúng, người dạy cần áp dụng bài tập luyện tập (Drills) trong đó người học lặp đi lặp lại nhiều lần từ và câu theo người dạy như trong phương pháp Audiolingual;

- Người dạy đưa ra những bài tập có hướng dẫn để người học khám phá ra quy luật ngữ pháp;

- Người dạy giúp người học sử dụng cảm nhận hay kinh nghiệm cá nhân khi sử

dụng cấu trúc ngữ pháp hay sử dụng từ vựng.

Có thể thấy rằng, người dạy không thể giúp người học đạt được kỹ năng ngôn ngữ chỉ qua một phương pháp duy nhất, đồng thời người dạy học luôn luôn là một người “tỉnh thức” (Reflective teacher), biết tìm ra phương thức giảng dạy phù hợp với mục tiêu của người học.

5.2. Ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong giảng dạy tiếng Anh

Trong thời gian vừa qua, việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh đã và đang thực hiện khá tốt tại Việt Nam, trong đó phương pháp học – pha - trộn (Blended Learning) đang từng bước thực hiện. Việc ứng dụng công nghệ mới có thể tạo ra môi trường tiếng Anh cho người học hàng ngày và ở bất cứ nơi nào và thời gian nào người đều có thể sử dụng tiếng Anh được. Có hai ví dụ có thể nêu ra như sau:

5.2.1. Một số đề tài nghiên cứu ứng dụng cụ thể:

5.2.1.1. Đề tài khoa học “Ứng dụng công nghệ thông tin và Phòng multimedia vào giảng dạy kỹ năng viết ở bậc đại học” (Hi-tech Methods for Teaching Writing Skills in A Multimedia Lab) do Phan Thế Hưng và Nguyễn Thanh Hưng thực hiện năm 2011 tại Trường Đại học Đà Lạt. Mục đích của nghiên cứu là:

Xây dựng được một hệ thống các thủ thuật sử dụng phòng học tiếng Anh cao cấp (Hi-tech Multimedia Lab) trong các giờ dạy kỹ năng viết;

Xây dựng được hệ thống các thủ thuật áp dụng dịch vụ World Wide Web để triển khai, giám sát, quản lý quá trình thực hiện bài thực hành, tự học, luyện tập

(Assignment) của sinh viên khi học các môn kỹ năng viết;

- Khai thác được dịch vụ miễn phí trên Internet để thực hiện tổ chức, quản lý hệ thống các Blog học tập của sinh viên qua kỹ thuật Web-Based Learning and Teaching Portfolio.

5.2.1.2. Đề tài ứng dụng blended learning trong giảng dạy phát âm

Đưa phương pháp giảng dạy mới qua việc ứng dụng máy tính để dạy tiếng Anh “Blended Learning” để luyện phát âm cho các sinh viên mới vào trường (năm 1 và 2) bằng môn học Phonetics tại phòng multi-Media của khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Văn Lang (2014). Đề tài này đã ứng dụng giảng dạy trong nhiều năm nay tại Khoa Ngoại ngữ của Trường Đại học Văn Lang.

Đây là phương pháp “pha trộn” giữa cách dạy và học truyền thống “mặt đối mặt” giữa thầy và trò trên lớp với việc tự học của sinh viên với chương trình Moodle trên máy tính ở nhà.

5.2.2. Một số ví dụ về ứng dụng công nghệ cụ thể qua Internet mang tính toàn cầu:

Chương trình TED (Technology, Entertainment, Design): đây là một chuỗi chương trình dưới dạng các cuộc trò chuyện ngắn, hiệu quả theo nhiều chủ đề khoa học, kinh doanh và toàn cầu với hơn 110 ngôn ngữ khác nhau. Người nói chuyện là những diễn giả nổi tiếng khắp toàn cầu. Đây là chương trình giúp người học trau dồi tiếng Anh và kiến thức có tính toàn cầu ngoài lớp học.

Ứng dụng chương trình Duolingo Apps: đây là một chương trình học tiếng Anh miễn phí ứng dụng qua smartphone

mà phần nhiều người học Việt Nam ngày nay đều có. Người dạy trên lớp có thể ra bài tập và kiểm tra tiến độ học tập của người học theo hệ thống bảng theo dõi.

Sử dụng mạng xã hội (Social Networks): theo thống kê của trung tâm IACP Center for Social Media, hàng ngày Facebook có lượng người sử dụng 1 tỉ 3 người và Twitter có 175 triệu người. Mạng xã hội là một công cụ rất tốt để tạo ra cộng đồng học tập và lộ trình giao tiếp. Ví dụ, hàng ngày người dạy có thể cung ứng một số điểm cho người học như “Phát âm trong ngày” hay “Từ vựng mỗi ngày”.

Web Quests: đây là trang mạng được xây dựng bởi Trường Đại học San Diego, Hoa Kỳ, rất hấp dẫn với người học khi sử

dụng Internet để xây dựng kỹ năng tiếng Anh. Người dạy giao bài làm để người học sử dụng vốn tiếng Anh của mình làm bài cho người dạy đánh giá. Người dạy cũng có thể tự thiết kế chương trình giảng dạy của mình cho người học.

Trên đây là một vài ví dụ cho việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoài lớp học để việc dạy và học ngoại ngữ có thể thực hiện theo thời gian 24/7, tiện lợi cho nhiều người học tiếng Anh ngày nay. Tất nhiên, người dạy tiếng Anh cũng cần có trình độ giao tiếp được bằng công nghệ thông tin (ICT) để có thể tiến hành các công cụ này hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Finocchiaro, M. và Brumfit, C (1983). *The Functional-Notional Approach: From Theory to Practice*, New York: Oxford University Press.
2. Harmer, J (2002), *The Practice of English Language Teaching*, Harlow : Longman.
3. Nguyễn Đức Tâm, Trần Nguyễn Thanh Thanh và một số giảng viên trẻ của Khoa Ngoại ngữ (2014), *Ứng dụng hiệu quả phương pháp Blended Learning trong giảng dạy Phonetics*, Research Project: Văn Lang University.
4. Phan Thế Hưng và Nguyễn Thanh Hưng (2011), *Ứng dụng công nghệ thông tin và Phòng multimedia vào giảng dạy kỹ năng viết ở bậc đại học* (Hi-tech Methods for Teaching Writing Skills in A Multimedia Lab), Research Project: University of Dalat.
5. Richards, J. C. và Rodgers, T (1986), *Approaches and Methods in Language Teaching*. Cambridge University Press.
6. Richardson, W (2010), *21st Century Skills: Rethinking How Students Learn (Chapter)*, Solution Tree Press.
7. Trần Anh Tuấn (2014), *Dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh* – <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/>, Retrieved December 24, 2014.
8. Trần Anh Tuấn (2014), *Dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động Thành phố*. <http://www.dubaonhanluchcmc.gov.vn/>, Retrieved February 25, 2015.

Ngày nhận bài: 07/11/2016. Ngày biên tập xong: 07/3/2017. Duyệt đăng: 21/3/2017